PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ(FOR OFFICIAL USE)

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged): 30/9/2021
Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.): 158445/21/CBMP-QLD

TUQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ MỸ PHẨM

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
BỘ Y TẾ

Nguyễn Văn Viên

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày nhận.

PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT

☑ Đánh dấu vào ô thích hợp (*Tick where applicable)*

THÔNG TIN SẢN PHẨM
PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product) :

1.1 Nhãn hàng (Brand)

ANESSA

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

ANESSA BRIGHTENING UV SUNSCREEN GEL N

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

-Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...) (Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.))

-Sản phẩm chống nắng (Sunbathing products)

-Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt (Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes)

Dạng sản phẩm khác:

3. Mục đích sử dụng (Intended use)

Gel chống nắng dưỡng sáng da với chất gel ẩm mượt, mát mịn giúp duy trì độ ẩm cho làn da, ngăn ngừa các dấu hiệu lão hóa da do tia UV, bảo vệ da trước tác hại của bụi mịn. Đồng thời dưỡng ẩm cho da giúp da tăng độ đàn hồi trên da, ngăn ngừa sạm nám, tàn nhang do sự hình thành hắc sắc tố. Có thể dùng làm lớp lót trang điểm tạo hiệu ứng nâng tông màu và hiệu chỉnh sắc da tím hồng rạng rỡ. Dễ dàng làm sạch với sữa rửa mặt.

4. Dạng trình bày (Product presentation(s))
-Dạng đơn lẻ (Single product)

Dạng trình bày khác:

THÔNG TIN VỀ NHÀ SẢN XUẤT/ ĐÓNG GÓI

(Đề nghị đính kèm danh sách riêng nếu như có nhiều hơn một công ty tham gia sản xuất/ đóng gói để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh)

PARTICULARS OF MANUFACTURER (S)/ASSEMBLER(S)

(Please attach in a separate sheet if there are more than one manufacturer/assembler)

5. **Nhà sản xuất:**

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số ĐT	Fax	Nước sản xuất
1	Shiseido Co., Ltd. Kuki Factory	5 Kiyoku-cho, Kuki-shi, Saitama, Japan	+81-480-23-1101	+81-480-23-1101	Nhật Bản

6. **Công ty đóng gói:**

STT	Tên ĐV Đóng gói	Loại đóng gói	Địa chỉ	Số ĐT	Fax	Nước đóng gói
1	Shiseido Co., Ltd. Kuki Factory	Đóng gói chính	5 Kiyoku-cho, Kuki-shi, Saitama, Japan	+81-480-23-1101	+81-480-23-1101	Nhật Bản

7. **Công ty xuất khẩu:**

STT	Tên công ty xuất khẩu	Sản phẩm MP được lưu	Địa chỉ	Số ĐT	Fax	Nước xuất khẩu

		hành tự do tại nước xuất khẩu				
1	SHISEIDO ASIA PACIFIC PTE LTD	Có	182 Cecil Street, #18-01 Frasers Tower, Singapore 069547	6430 9300	6430 9399	Singapore

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG

PARTICULARS OF LOCAL COMPANY RESPONSIBLE FOR PLACING THE COSMETIC PRODUCT IN THE MARKET

8. Tên công ty (Name of company):

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ PHẨM SHISEIDO VIỆT NAM

Địa chỉ công ty (Address of company):

Lầu 27, Vietcombank Tower, số 5 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: **84-8-39101222** Fax: **84-8-39101333**

Số giấy phép kinh doanh/Số giấy phép hoạt động (Business Registration Number/License to Operate Number): **0309672832**

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY PARTICULARS OF PERSON REPRESENTING THE LOCAL COMPANY

9. Họ và tên (Name of person):

NGUYỄN NHẬT QUỲNH

Tel: **84-8-39101222** Email: **quynh.nguyen@scv.shiseido.vn**

Chức vụ ở công ty (Designation in the company): **Tổng Giám đốc**

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU PARTICULARS OF IMPORTER

10. Tên công ty nhập khẩu/ Name of Importer:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỸ PHẨM SHISEIDO VIỆT NAM

Địa chỉ công ty (Address of company):

Lầu 27, Vietcombank Tower, số 5 Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: **84-8-39101222** Fax: **84-8-39101333**

DANH SÁCH THÀNH PHẦN
PRODUCT INGREDIENT LIST

11. Đề nghị kiểm tra ô sau đây (Please check the following boxes)

☑ Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ luc II đến Phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục.

I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes.

☑ Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.

I undertake to respond to and cooperate fully with the regulatory authority with regard to any subsequent post-marketing activity initiated by the authority.

Danh sách thành phần đầy đủ (product full ingredient list)

(Yêu cầu ghi đầy đủ danh sách tất cả các thành phần và tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng sử dụng trong mỹ phẩm - To submit ingredient list with percentages of restricted ingredients)

STT	**Tên đầy đủ thành phần (tên danh pháp quốc tế hoặc sử dụng tên khoa học chuẩn đã được công nhận)** ***Full Ingredient name (use INCI or approved nomenclature in standard references)***	**Tỉ lệ % của những chất có giới hạn về nồng độ, hàm lượng**	**Ghi chú**
1	WATER (AQUA)		
2	DIMETHICONE		
3	ETHYLHEXYL METHOXYCINNAMATE		
4	ALCOHOL		
5	ZINC OXIDE		
6	TITANIUM DIOXIDE		

7	GLYCERIN
8	DIISOPROPYL SEBACATE
9	DIPHENYLSILOXY PHENYL TRIMETHICONE
10	TRANEXAMIC ACID
11	DIETHYLAMINO HYDROXYBENZOYL HEXYL BENZOATE
12	PEG-100 HYDROGENATED CASTOR OIL
13	PEG-60 HYDROGENATED CASTOR OIL
14	SILICA
15	PPG-17
16	HYDRATED SILICA
17	BIS-ETHYLHEXYLOXYPHENOL METHOXYPHENYL TRIAZINE
18	ISOSTEARIC ACID
19	DIMETHYLACRYLAMIDE/SODIUM ACRYLOYLDIMETHYLTAURATE CROSSPOLYMER
20	TITANIUM DIOXIDE (CI 77891)
21	ALUMINUM HYDROXIDE
22	PHENOXYETHANOL
23	DEXTRIN PALMITATE
24	ETHYLHEXYL TRIAZONE
25	HYDROGEN DIMETHICONE
26	MICA
27	SORBITAN SESQUIISOSTEARATE
28	BEHENETH-20
29	SUCCINOGLYCAN
30	CELLULOSE GUM
31	FRAGRANCE (PARFUM)
32	BHT
33	TOCOPHEROL
34	CITRIC ACID
35	DIPOTASSIUM GLYCYRRHIZATE
36	SODIUM METAPHOSPHATE

37	TRISODIUM EDTA
38	HYDROXYPROPYL METHYLCELLULOSE STEAROXY ETHER
39	SODIUM CITRATE
40	BUTYLENE GLYCOL
41	PEG/PPG-14/7 DIMETHYL ETHER
42	SODIUM METABISULFITE
43	TALC
44	RED 33 (CI 17200)
45	CAMELLIA SINENSIS LEAF EXTRACT
46	POTENTILLA ERECTA ROOT EXTRACT
47	BLUE 1 (CI 42090)
48	SODIUM ACETYLATED HYALURONATE
49	POLYQUATERNIUM-51
50	SOLUBLE COLLAGEN

CAM KẾT (DECLARATION)

1. Thay mặt cho công ty, tôi xin cam kết sản phẩm được đề cập trong Phiếu công bố này đạt đ-ược tất cả các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và các phụ lục của nó.

   I hereby declare on behalf of my company that the product in the notification meets all the requirements of the ASEAN Cosmetic Directive, its Annexes and Appendices.

2. Tôi xin chịu trách nhiệm tuân thủ các điều khoản sau đây *(I undertake to abide by the followin conditions):*

   i. Đảm bảo có sẵn để cung cấp các thông tin kỹ thuật và tính an toàn khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ về các sản phẩm đã được phân phối để báo cáo trong trường hợp sản phẩm phải thu hồi.

   Ensure that the product's technical and safety information is made readily available to the regulatory authority concerned ("the Authority") and to keep records of the distribution of the products for product recall purposes;

   ii. Phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng gây chết người hoặc đe doạ tính mạng của sản phẩm bằng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc văn bản trước 7 ngày kể từ ngày biết thông tin.

   Notify the Authority of fatal or life threatening serious adverse event[1] as soon as possible by telephone, facsimile transmission, email or in writing, and in any case, no later than 7 calendar days after first knowledge;

   iii. Phải hoàn thành báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm (theo mẫu quy định) trong vòng 8 ngày làm việc kể từ ngày thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những tác dụng phụ nghiêm trọng như đã nêu trong mục 2ii nói trên và cung cấp bất cứ thông tin nào theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

   Complete the Adverse Cosmetic Event Report Form[1] within 8 calendar days from the date of my notification to the Authority in para 2ii. above, and to provide any other information as may be requested by the Authority;

   iv. Thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các phản ứng phụ nghiêm trọng nhưng không gây chết người hoặc đe doạ đến tính mạng của sản phẩm và trong bất cứ trường hợp nào, việc báo cáo (sử dụng mẫu báo cáo) về tác dụng phụ phải được tiến hành trước 15 ngày kể từ ngày biết về tác dụng phụ này.

   Report to the Authority of all other serious adverse events that are not fatal or life threatening as soon as possible, and in any case, no later than 15 calendar days after first knowledge, using the Adverse Cosmetic Event Report Form;

   v. Công bố với cơ quan có thẩm quyền khi có bất cứ sự thay đổi nào trong bản công bố này.

   Notify the Authority of any change in the particulars submitted in this notification;

3. Tôi xin cam đoan rằng những thông tin được đưa ra trong bản công bố này là đúng sự thật. Tất cả các tài liệu, các thông tin liên quan đến nội dung công bố sẽ được cung cấp và các tài liệu đính kèm là bản hợp pháp hoặc sao y bản chính.

---

[1] Như đã được định nghĩa rõ ràng trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm.
As defined in the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

[1] Trình bày trong phụ lục I trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm.
Set out in Appendix I to the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products

I declare that the particulars given in this notification are true, all data, and information of relevance in relation to the notification have been supplied and that the documents enclosed are authentic or true copies.

4. Tôi hiểu rằng tôi sẽ có trách nhiệm để đảm bảo tất cả các lô sản phẩm của chúng tôi đều đáp ứng các yêu cầu pháp luật, và tuân thủ tất cả tiêu chuẩn và chỉ tiêu sản phẩm đã được công bố với cơ quan có thẩm quyền.

   I understand that I shall be responsible for ensuring that each consignment of my product continues to meet all the legal requirements, and conforms to all the standards and specifications of the product that I have declared to the Authority.

5. Tôi hiểu rằng trong trường hợp có tranh chấp pháp luật, tôi không được quyền sử dụng bản công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận nếu sản phẩm của chúng tôi không đạt được các yêu cầu về tiêu chuẩn, chỉ tiêu mà chúng tôi đã công bố.

   I understand that I cannot place reliance on the acceptance of my product notification by the authority in any legal proceedings concerning my product, in the event that my product has failed to conform to any of the standards or specifications that I had previously declared to the Authority.

_____

Tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty

[Name and Signature of person representing the local company]



NGUYỄN NHẬT QUỲNH
Tổng Giám đốc

_____ _____

Dấu của công ty

[Company stamp]

Ngày 29/09/2021